



CÔNG TY CỔ PHẦN
NOSCO SHIPYARD

.....oOo.....

ISJ NOSCO

TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025

Quảng Ninh, 2025



DANH MỤC TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

STT	Tên tài liệu
1.	Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
2.	Nội dung thảo luận và biểu quyết tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
3.	Quy chế tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
4.	Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
5.	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030
6.	Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025
7.	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025
8.	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025
9.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán
10.	Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025
11.	Tờ trình giới thiệu ứng viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030
12.	Tờ trình phê duyệt quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2025
13.	Mẫu Văn bản đề cử bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030 Mẫu Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2025-2030 Mẫu Bản cam kết của ứng viên bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030 Giấy ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (<i>lưu ý: không bắt buộc dùng mẫu giấy ủy quyền này, các giấy ủy quyền khác có đủ nội dung sẽ được chấp nhận</i>)
14.	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

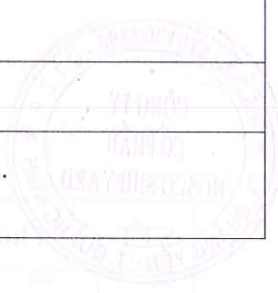


CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

STT	Thời gian	Nội dung chương trình
1.	8h30 – 9h00	Đăng ký cổ đông dự họp.
2.	9h00 – 9h10	Chào cờ Tuyên bố lý do; Giới thiệu Đại biểu tham dự
3.	9h10 – 9h15	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
4.	9h15 – 9h30	Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, thư ký và Ban kiểm phiếu.
5.	9h30 – 9h40	1. Thông qua chương trình họp và Quy chế tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; 2. Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
6.	9h40 – 10h30	Trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ phù hợp với các quy định của pháp luật về Điều lệ Công ty, cụ thể như sau: a) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch SX-KD năm 2025 của Công ty; b) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025; c) Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025; d) Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán); e) Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025; f) Tờ trình v/v giới thiệu ứng viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030; g) Tờ trình phê duyệt quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2025; h) Các nội dung khác (nếu có).
7.	10h30-10h40	Đại hội thảo luận Biểu quyết nội dung nêu trên
8.	10h40-10h50	Công bố kết quả kiểm phiếu
9.	10h50– 11h05	Trình bày Quy chế bầu thành viên HĐQT; BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030.
10.	11h05-11h10	Đại hội tiến hành bầu cử
11.	11h10 - 11h20	Nghỉ giải lao, kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu.

STT	Thời gian	Nội dung chương trình
12.	11h20-11h25	Công bố kết quả kiểm phiếu;
13.	11h25-11h30	1. Thư ký đọc Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội. 2. Tổng kết và tuyên bố bế mạc Đại hội





NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Nosco Shipyard năm 2025 dự kiến thảo luận và biểu quyết các nội dung sau đây:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch SX-KD năm 2025 của Công ty;
2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán);
5. Thông qua Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
6. Thông qua Tờ trình v/v giới thiệu ứng viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030;
7. Thông qua Tờ trình phê duyệt quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2025;
8. Các nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận (nếu có).

**QUY CHẾ TỔ CHỨC CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Nosco Shipyard do Hội đồng quản trị Công ty triệu tập căn cứ theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021 và quy định tại Mục 1 Chương IV Điều lệ Công ty cổ phần Nosco Shipyard được ĐHĐCĐ thông qua ngày 31/8/2022.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần NOSCO SHIPYARD (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

3.1 Điều kiện tham dự

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp tại Thông báo số 08-04.1/2024/TB-HĐQT v/v chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngày 08/04/2025 hoặc những người được ủy quyền hợp lệ có quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần NOSCO SHIPYARD.

3.2 Quyền của các cổ đông/người được ủy quyền hợp lệ đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông;



- Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời họp, Giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu,...) và Giấy uỷ quyền (đối với trường hợp được uỷ quyền) cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Thẻ biểu quyết, một Phiếu biểu quyết và một Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT). Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội;
- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết;
- Các cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận bằng cách giơ tay phát biểu hoặc ghi câu hỏi ra giấy;
- Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay và có quyền tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội sau khi đăng ký xong đối với các vấn đề chưa biểu quyết, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Tham gia hoặc uỷ quyền tham gia Đại hội theo quy định của Công ty;
- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;
- Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải mang theo Thư mời họp, Giấy tờ tùy thân (CCCD hoặc hộ chiếu,...) và Giấy uỷ quyền hợp lệ (đối với trường hợp được uỷ quyền) xuất trình cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;
- Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;
- Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;
- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đề cử. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy uỷ quyền (đối với đại diện được uỷ quyền)
- Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử thành viên HĐQT;
- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức, Chủ tọa và Thư ký

- 5.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa sẽ cử Ban Thư ký và tiến hành bầu Ban kiểm phiếu.
- 5.2 Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 5.3 Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc mà Chủ tọa thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- 5.4 Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
 - Sự trì hoãn là cần thiết để công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 5.5 Ban thư ký do Chủ tọa Đại hội cử thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tọa.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Chủ tọa Đại hội sẽ đề cử các thành viên Ban kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Đoàn Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, thể thức biểu quyết, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện cổ đông, tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội. Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện của cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông có quyền dự họp.

Điều 8: Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ được tổ chức làm một buổi và thông qua các nội dung với phương thức biểu quyết như sau:



8.1. Biểu quyết bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Ban Kiểm phiếu; Thư ký Đại hội
- Chương trình Đại hội;
- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết;
- Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

8.2. Biểu quyết bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề trong chương trình nghị sự như sau:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch SX-KD năm 2025 của Công ty;
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
- Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán);
- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
- Tờ trình v/v giới thiệu ứng viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030;
- Tờ trình phê duyệt quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2025;
- Các nội dung khác được ĐHĐCĐ chấp thuận đưa vào chương trình nghị sự tại cuộc họp (nếu có).

8.3. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng Phiếu bầu khi Chủ tọa đề nghị bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

CHƯƠNG IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9: Thông qua quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và

biểu quyết tại cuộc họp tán thành; ngoại trừ việc bầu bổ sung thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 10: Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty tại trụ sở chính Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi đến Công ty cổ phần Nosco Shipyard để đăng tải trên website và gửi cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ.

**CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 5 Chương 11 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần NOSCO SHIPYARD thông qua.

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Bảo Trung



**NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty cổ phần Nosco Shipyard (sau đây gọi tắt là “**Công ty**”) được Đại hội thông qua với nội dung cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc biểu quyết

- Đúng Điều lệ, đúng luật và chính xác.
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách bỏ phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của ban bầu cử và kiểm phiếu.
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu do được ủy quyền.
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu phiếu đó hợp lệ theo quy định.
- Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội. Cách thức biểu quyết được quy định cụ thể tại Mục II dưới đây. Kết quả biểu quyết được tính theo tỷ lệ % giữa tổng số cổ phần của các phiếu biểu quyết hợp lệ và tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết, ngoại trừ việc bầu bổ sung thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Trường hợp biểu quyết thông qua Chủ tọa, Ban thư ký, Ban Bầu cử và kiểm phiếu, nội dung Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Nguyên tắc thể lệ biểu quyết, Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất sẽ được biểu quyết thông qua Thẻ biểu quyết. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến. Kết quả được lấy theo ý kiến đa số và sẽ được Ban tổ chức công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

II. Cách thức biểu quyết

1. Quy định chung

- Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và chỉ sử dụng các Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là cổ đông) tham gia dự Đại hội cổ đông có quyền biểu quyết sẽ được phát phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được thu bởi các thành viên của Ban Bầu cử và kiểm phiếu và được kiểm phiếu, lập biên bản ngay sau khi thu.
- Thông tin in trên phiếu biểu quyết:
 - + Họ và tên cổ đông, hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông.
 - + Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu: Là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông đại diện.
 - + Nội dung biểu quyết.
- Phân loại phiếu biểu quyết:
 - + Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu do Ban tổ chức phát ra tại Đại hội, Phiếu không bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu không được ghi thêm những thông tin

khác, thêm ký hiệu và phải có chữ ký của đại biểu tham dự Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (tờ trình, báo cáo) hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

+ Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là phiếu không do Ban tổ chức phát ra; Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông; Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

2. Cách thức biểu quyết.

- Nếu đồng ý vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô “Tán thành”.
- Nếu không đồng ý vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô “Không tán thành”.
- Nếu không có ý kiến về vấn đề biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào ô “Không có ý kiến”.
- Các vấn đề đưa ra biểu quyết, mỗi cổ đông chỉ sử dụng Phiếu biểu quyết mà trên Phiếu đã được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.
- Chọn một trong ba ý kiến biểu quyết: **Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.**

3. Tổng hợp kết quả.

- Trưởng Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội với từng vấn đề biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào biên bản Đại hội đồng cổ đông.

III. Thông qua kết quả biểu quyết.

1. Các nội dung trình Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành Đại hội đồng cổ đông: quyết định của chủ tọa là quyết định cuối cùng và các cổ đông tham dự đều phải tuân theo.

IV. Hiệu lực.

Nguyên tắc, Thê lệ biểu quyết có hiệu lực ngay khi được Đại hội thông qua và được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHU LỊCH



Vũ Bảo Trung

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Nosco Shipyards tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát (“BKS”) (nhiệm kỳ 2025 - 2023) theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

ĐIỀU 2: Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Căn cứ theo Điều 155 Doanh nghiệp 2020:

- Từ 22 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 luật Doanh nghiệp 2020;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có liên quan của người quản lý hoặc người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.
- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030: 3 thành viên.

ĐIỀU 3: Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS

Căn cứ theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020:

- Từ 22 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030: 3 thành viên.

ĐIỀU 4: Hồ sơ tham gia ứng cử thành viên HĐQT, BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS bao gồm:

- Văn bản đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;
- Bản cam kết của ứng viên;



- Bản sao có công chứng: CMND, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

ĐIỀU 5: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

*** Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.**

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số cổ đông;
- Cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền được phát 01 *Phiếu bầu thành viên HĐQT* và 01 *Phiếu bầu thành viên BKS* theo mã số cổ đông;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (*có giấy uỷ quyền*), người được uỷ quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

*** Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không do Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phát ra;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được uỷ quyền.

ĐIỀU 6: Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được uỷ quyền) nhân với số thành viên được bầu bổ sung của Hội đồng quản trị;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

ĐIỀU 7: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

*** Ban Kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Thông qua Quy chế bầu cử;
 - + Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
 - + Tiến hành kiểm phiếu;
 - + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào thành viên HĐQT, BKS.

*** Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 8: Nguyên tắc bầu đôn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT và thành viên BKS

* **Nguyên tắc bầu đôn phiếu:** Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

- Nguyên tắc trúng cử:

- + Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT và BKS.
- + Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.
- + Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên BKS theo yêu cầu thì ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

ĐIỀU 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu đôn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT, BKS;

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 10: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu nếu có phải được trình bày trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 10 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Bảo Trung



PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

(c) Theo khoản 3 điều 148 của Luật doanh nghiệp 2020 quy định: “Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên”.

Như vậy, nếu bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030:

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, số thành viên HĐQT được bầu là 03 thành viên
- Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 100 cổ phần thì số phiếu biểu quyết bầu cử thành viên HĐQT: $100 \times 1 = 100$ phiếu

Mỗi cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi số phiếu biểu quyết của mình cho từng ứng cử viên mình chọn sao cho tổng cộng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng viên mà cổ đông chọn không lớn hơn tổng phiếu biểu quyết của cổ đông. Cổ đông có thể dồn hết số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia ra cho một số ứng cử viên.



Quảng Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ SX-KD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH SX-KD NĂM 2025 CỦA CÔNG
TY CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

PHẦN THỨ NHẤT: ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC SXKD NĂM 2024

1. Báo cáo kết quả SX- KD năm 2024

Năm 2024 hoạt động SX-KD của Công ty Cổ phần Nosco Shipyards đạt kết quả khả quan ở thị trường trong nước với doanh thu tăng trưởng mạnh và hiệu quả khai thác tốt hơn, bù đắp cho sự sụt giảm từ thị trường nước ngoài.

Bảng so sánh KQKD năm 2023 với năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	KQKD năm 2023			KQKD năm 2024		Lượt tàu	So sánh tỷ lệ giá trị hợp đồng 2024 so với 2023 (%)
	Doanh thu trước thuế (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Lượt tàu	Doanh thu VNĐ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)		
Tàu nước ngoài	216,959	37	28	91,548	15.54	12	42,2%
Tàu trong nước	373,941	63	67	497,605	84.46	67	133,07%
Tổng cộng	590,900	100	95	589,153	100	79	99,7%

Tổng doanh thu trước thuế năm 2024 giảm nhẹ khoảng 0.3% so với năm 2023. Mặc dù sự sụt giảm này không đáng kể, nhưng nó cho thấy doanh thu tổng thể có xu hướng chững lại, không đạt được mức tăng trưởng như kỳ vọng.

Doanh thu từ tàu nước ngoài giảm đáng kể, khoảng 57.8% so với năm 2023. Tỷ lệ đóng góp vào tổng doanh thu cũng giảm mạnh từ 37% xuống 15.54%. Đồng thời, số lượt tàu giảm từ 28 xuống 12, cho thấy hoạt động kinh doanh với tàu nước ngoài suy giảm rõ rệt.

Doanh thu từ tàu trong nước tăng trưởng mạnh, khoảng 33% so với năm 2023. Tỷ lệ đóng góp vào tổng doanh thu cũng tăng đáng kể từ 63% lên 84.46%.

Tổng số lượt tàu giảm 16.84% (từ 95 xuống 79), chủ yếu do số lượt tàu nước ngoài giảm mạnh (từ 28 xuống 12). Số lượt tàu trong nước giữ nguyên, cho thấy sự ổn định trong hoạt động với thị trường nội địa

Năm 2024 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi công ty chuyển đổi môi trường làm việc với đội ngũ quản lý mới là các chuyên gia đến từ Hàn Quốc. Sự thay đổi này không chỉ ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức mà còn tạo ra những điều chỉnh đáng kể trong cách vận hành, quản lý nhân sự và chiến lược phát triển. Phương thức làm việc, quy trình nội bộ và văn hóa doanh nghiệp đều có sự điều chỉnh để phù hợp với phong cách quản lý mới, hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường tính chuyên nghiệp trong công ty.

2. Công tác quản lý chất lượng

Trong việc nỗ lực nâng cao chất lượng sản xuất và đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, công tác quản lý chất lượng đã được triển khai đồng bộ với hàng loạt biện pháp cụ thể và hiệu quả như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng và phê duyệt quy trình vận hành tiêu chuẩn, đảm bảo tính đồng bộ trong sản xuất.
- Phê duyệt quy trình hàn thép đúc, đảm bảo độ bền kết cấu và tối ưu hóa hiệu suất thi công.
- Cấp chứng nhận tay nghề thợ hàn (chỉ áp dụng cho vỏ tàu) nhằm đảm bảo trình độ kỹ thuật đạt chuẩn.
- Đào tạo chuyên môn QC tại văn phòng, nâng cao năng lực giám sát và phân tích lỗi.
- Cấp chứng chỉ sửa chữa xưởng tàu (VR), đáp ứng yêu cầu đánh giá năng lực vận hành.

3. Công tác quản lý cơ sở vật chất thiết bị phục vụ sản xuất.

Để đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục ổn định cho Nhà máy và quá trình hợp tác với khách hàng, thì toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty luôn được quan tâm hàng đầu và bảo dưỡng, duy tu và duy trì đảm bảo luôn hoạt động thường xuyên liên tục.

Hệ thống sàn nâng, tời, hệ thống dịch chuyển tàu đảm bảo vận hành an toàn, đúng kỹ thuật để đưa lên dock và hạ thủy theo đúng tiến độ sản xuất, thực hiện đăng kiểm và cấp giấy chứng nhận theo yêu cầu.

Các thiết bị, phương tiện nâng hạ và di chuyển, máy móc, cầu tải... phục vụ sửa chữa tàu luôn được theo dõi bảo dưỡng, sửa chữa theo định kỳ và bảo dưỡng khi sự cố đảm bảo tiến độ thi công.

Căn cứ vào tình hình thực tế hệ thống cơ sở vật chất hiện nay, Bộ phận quản lý thiết bị luôn thực hiện duy tu bảo dưỡng các hệ thống thiết bị, máy móc, dụng cụ, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất hàng ngày đảm bảo vận hành trơn tru hệ thống phục vụ sản xuất, đảm bảo tiến độ với khách hàng. Kết hợp cải tiến, hoán cải các máy móc thiết bị để phù hợp với điều kiện và yêu cầu ngày càng lớn về công tác phục vụ sản xuất.

PHẦN THỨ HAI: KẾ HOẠCH SX-KD NĂM 2025

1. Kế hoạch doanh thu năm 2025.

Phát huy năng lực, kinh nghiệm hiện nay và căn cứ theo tình hình nhu cầu thị trường, Công ty Nosco phấn đấu đạt giá trị hợp đồng và lượt tàu vào sửa chữa trong năm 2025 như sau:

Kế hoạch giá trị hợp đồng và số lượt tàu vào sửa chữa năm 2025			
Tháng	Số lượt tàu	Số tiền mỗi tàu (1.000USD)	Giá trị hợp đồng dự kiến (1.000USD)
Tháng 1	10	200	2.000
Tháng 2	10	230	2.300
Tháng 3	10	260	2.600
Tháng 4	10	290	2.900
Tháng 5	10	320	3.200
Tháng 6	10	350	3.500
Tháng 7	12	350	4.200
Tháng 8	12	350	4.200
Tháng 9	12	370	4.440
Tháng 10	12	370	4.440
Tháng 11	12	410	4.920
Tháng 12	12	410	4.920
TỔNG	132		43.620

Trong năm 2025, Nhà máy dự kiến doanh thu sửa chữa đạt giá trị 43.620.000 USD, số lượt tàu dự kiến tiếp nhận 132 tàu. Trung bình mỗi tháng tiếp nhận 10-12 tàu giá trị doanh thu dự tính từ 2.000.000 USD mỗi tháng.

2. Tình hình thị trường và năng lực Nhà máy hiện nay

2.1. Tình hình thị trường.

Thị trường sửa chữa tàu biển hiện nay đang trải qua nhiều biến đổi và phát triển:

- Sự gia tăng của thương mại quốc tế và vận tải biển, nhu cầu sửa chữa và bảo trì tàu biển ngày càng tăng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các tàu container, tàu chở dầu, và tàu chở hàng rời.

- Công nghệ tiên tiến và tự động hóa đang được áp dụng rộng rãi trong ngành sửa chữa tàu biển, giúp tăng hiệu quả và giảm chi phí. Các hệ thống quản lý bảo trì và giám sát từ xa đang được triển khai để theo dõi và dự đoán sự cố kỹ thuật.

- Các quy định về môi trường ngày càng khắt khe, yêu cầu các tàu phải tuân thủ các tiêu chuẩn về phát thải và hiệu quả năng lượng. Điều này đòi hỏi các công ty sửa chữa tàu phải nâng cấp và cải tiến các hệ thống sửa chữa để đáp ứng các tiêu chuẩn này.

- Các xưởng sửa chữa tàu biển tập trung tại các khu vực có hoạt động vận tải biển lớn như Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc, ... Những khu vực này có cơ sở hạ tầng tốt, lực lượng lao động chuyên môn cao, và khả năng cung cấp dịch vụ toàn diện.

Dự báo nhu cầu phát triển trong tương lai:

- Tăng trưởng thương mại quốc tế: Với sự phục hồi và phát triển của thương mại toàn cầu, nhu cầu vận tải biển dự kiến sẽ tiếp tục tăng, kéo theo nhu cầu sửa chữa và bảo trì tàu.

- Phát triển ngành công nghiệp đóng tàu nội địa: Sự phát triển của ngành đóng tàu tại Việt Nam cũng sẽ tạo ra nhu cầu sửa chữa và bảo trì lớn hơn, đặc biệt là khi các doanh nghiệp trong nước sản xuất nhiều tàu mới.

- Xu hướng "xanh hóa" ngành hàng hải: Nhu cầu chuyển đổi và nâng cấp các tàu để tuân thủ các quy định về môi trường và tiết kiệm năng lượng sẽ tăng cao, thúc đẩy nhu cầu sửa chữa và bảo trì.

Cơ hội từ thị trường khu vực: Với vị trí chiến lược, Việt Nam có cơ hội thu hút các tàu từ các quốc gia lân cận như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ASEAN đến sửa chữa.

Các biện pháp thúc đẩy hoạt động và phát triển thị trường:

- Tiếp tục đẩy mạnh tiếp thị bằng cải thiện và tăng cường chất lượng cũng như rút ngắn thời gian thực hiện dự án.

- Tăng cường công tác marketing đối với khách hàng lớn tại thị trường trong nước và quốc tế và tìm kiếm các nhu cầu sửa chữa.

- Duy trì mối quan hệ tốt đẹp đã có và phát huy hiệu quả các chính sách kinh doanh với các Đại lý môi giới tại Hy Lạp, Singapore, Nhật Bản, để tìm kiếm nhiều tàu nước ngoài vào sửa chữa.

2.2. Chất lượng và tiến độ sửa chữa tàu hiện nay:

Với sự nỗ lực cải tiến trong năm 2024, Công ty đã đẩy mạnh nâng cao chất lượng sửa chữa, đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo an toàn các dự án thi công. Dân áp dụng công nghệ phun nước làm sạch vỏ tàu thay cho việc bắn cát. Các thiết bị sản xuất cơ bản đã được đầu tư đầy đủ.

Các cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm, tay nghề và trình độ ngoại ngữ đều đáp ứng được các công việc mà khách hàng yêu cầu.

3. Các công tác phục vụ chất lượng sửa chữa và đảm bảo tiến độ.

a. Công tác đảm bảo an toàn lao động sản xuất kinh doanh luôn được quan tâm ưu tiên hàng đầu trong mọi hoạt động của Nhà máy.

b. Công tác duy tu cải tiến cơ sở vật chất, hệ thống máy móc thiết bị phun sơn, phun nước, hệ thống sàn nâng, hào ngang dịch chuyển, các thiết bị phân xưởng, ... luôn được đảm bảo kế hoạch bảo dưỡng kịp thời, hoạt động hiệu quả.

c. Nâng cao tay nghề, hiệu quả năng suất người lao động, đảm bảo tiền lương cho người lao động phản ánh đúng tính chất, tính trách nhiệm trong công việc của người lao động, quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

d. Đảm bảo hệ thống quy trình, quy chế của Công ty hoạt động chuyên nghiệp, tinh gọn, tạo nên sự yên tâm làm việc cho toàn thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty.

e. Nguồn vật tư, nguyên liệu cung ứng cho sản xuất đảm bảo kịp thời, chính xác, tiết kiệm và hiệu quả cho Công ty.

4. Công tác tài chính

4.1 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

- Tiền và các khoản tương đương tiền đến 31/12/2024 với số dư là: 9.136,49 triệu đồng tương đương bằng 0.23 % tổng tài sản.

- Các khoản phải thu khách hàng là: 63.602,26 triệu đồng và trả trước người bán là: 218.745,88 triệu đồng

- Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 4.690.947,65 triệu đồng (trong đó đã khấu hao 1.423.647,36 triệu đồng, giá trị còn lại 3.267.300,29 triệu đồng) được theo dõi tới từng đối tượng.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2024 là: 285.840,53 triệu đồng.

- Tài sản dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2024 là: 46.412,40 triệu đồng bao gồm chi phí trả trước dài hạn: 46.412,40 triệu đồng.

+ Bố trí cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản năm 2024 là: 8.50%; cùng kỳ năm 2023 là: 5.31%

Tài sản dài hạn/tổng tài sản năm 2024 là: 91.50%; cùng kỳ năm 2023 là: 94.69%

+ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản:

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế: -9.04 %

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế: -9.04 %

- Nợ phải trả có số dư tại 31/12/2024 là : 6.976.543,91 triệu đồng

Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 4.077.834,47 triệu đồng

+ Nợ dài hạn: 2.898.709,44 triệu đồng - chỉ tiêu này thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty là các khoản vay dài hạn và lãi vay để phục vụ dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco Shipyard.

4.2 Kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh trong năm 2024 của Công ty như sau:

+ Tổng doanh thu là: 577.335,86 triệu đồng

Trong đó:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu là: 559.905,34 triệu đồng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê và dịch vụ khác là: 17.430,52 triệu đồng
- Doanh thu tài chính - lãi CLTG là: 2.232,08 triệu đồng
- Doanh thu khác là: 4.071,18 triệu đồng

+ Lợi nhuận trước thuế lỗ: **355.444,09** triệu đồng.

Kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty lỗ do các nguyên nhân chính sau đây:

1. Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng quá cao (52%):

- Chi phí lãi vay lớn cho thấy công ty đang phụ thuộc nặng vào nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn.

2. Biên lợi nhuận gộp thấp (chỉ 5%):

- Giá vốn hàng bán chiếm tới 95% doanh thu, cho thấy chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí thuê ngoài sửa chữa tàu quá cao, hoặc công ty định giá hợp đồng dịch vụ chưa hợp lý.

- Cạnh tranh về giá trong ngành sửa tàu có thể khiến doanh nghiệp giảm giá để giữ thị phần, ảnh hưởng biên lợi nhuận.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp cao (14%):

- Các chi phí hành chính, nhân sự, văn phòng... vẫn duy trì ở mức cao trong khi lợi nhuận gộp không đủ bù chi phí.

- Bộ máy quản lý cồng kềnh hoặc chưa tối ưu hiệu quả.

5. Một số giải pháp cụ thể:

Mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty năm 2025 là xây dựng và phát triển thương hiệu sửa chữa tàu biển tải trọng đến 80.000DWT ngày càng chuyên nghiệp, uy tín và có sức cạnh tranh trên thị trường sửa chữa tàu biển của Việt Nam và thế giới. Một số giải pháp cần thực hiện như sau:

Thứ nhất, Nhà máy cần đẩy nhanh tiến độ sửa chữa, đảm bảo chất lượng sửa chữa và công tác an toàn sửa chữa, thực hiện đúng cam kết kế hoạch đã đề ra, tạo uy tín và thế mạnh cho Nosco trên con đường cạnh tranh trong lĩnh vực sửa chữa tàu biển tại Việt Nam và thị trường thế giới.

Thứ hai, Các phòng ban trong Công ty tuân thủ theo quy trình và hệ thống kiểm soát chất lượng ISO đã ban hành. Đảm bảo phối hợp phục vụ khách hàng thực sự chuyên nghiệp, hợp tác hỗ trợ khách hàng từ quy trình giao dịch đàm phán đến chăm sóc khách hàng sau khi bàn giao và các thủ tục thanh toán, đảm bảo sự hài lòng cao và ấn tượng tốt nhất.

Thứ ba, công tác phục vụ đưa đón, phục vụ ăn uống, ngủ, nghỉ, chăm sóc khách hàng/kỹ thuật chủ tàu cần được duy trì tốt, sẵn sàng chu đáo tạo sự thoải mái khi đến Nhà máy.

Thứ tư, phát động các phong trào thi đua nhằm nâng cao tinh thần và trách nhiệm trong công việc của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty.

PHẦN THỨ BA: CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ SỬA CHỮA CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Đầu tư xây dựng, sửa chữa hạ tầng đã thực hiện năm 2024

Chi tiết kết quả thực hiện về giá trị được tổng hợp trong bảng sau:

STT	Tên vụ việc	Chi phí đầu tư năm 2024	Phân loại
1	Bệ số 6 (bệ tàu 70.000) (31/10/2023)	22.107.633.154	Bệ mới
2	Gia công cầu thang lên xuống tàu Bệ 3 vạn (26/09/2023 - 02/01/2024)	2.215.282	Bệ mới
3	Xây dựng Đường cần trục số 3, số 4 và Bệ sửa chữa tàu số 4, số 5, số 6, số 7 (19/02/2023)	17.507.348.350	Bệ mới
4	Bệ tàu 5 vạn (31/03/2024)	8.906.871.922	Bệ mới
5	Làm mũi cọc D400-500 (Dự án hạ tầng) (31/01/2024)	40.914.436	Bệ mới
6	Bệ tàu số 07 - (29/02/2024)	14.744.618.808	Bệ mới
7	Bệ tàu số 04 (08/03/2024)	10.755.985.703	Bệ mới
8	Thi công đường cần trục số 03 (30/03/2024)	2.539.629.903	Bệ mới
9	Thi công Đường công vụ (27/03/2024)	61.819.271	Bệ mới
10	Thi công đường cần trục số 04 (30/03/2024)	4.016.743.008	Bệ mới
11	Thi công Xây nhà trạm điện (14/06/2024)	5.748.823.448	Bệ mới
12	Thi công Xây trạm bơm (14/06/2024)	200.195.912	Bệ mới



13	Thi công Xây trạm khí (14/06/2024)	30.008.880	Bệ mới
14	Nền bãi quanh khu vực bệ sửa chữa tàu mới (01/05/2024)	49.027.541.439	Bệ mới
15	Thi công rãnh thoát nước khu bệ tàu mới (T6/2024-	4.864.833.177	Bệ mới
16	Thi công hào công nghệ khu bệ tàu mới/hào tàu (T6/2024-	11.000.243.008	Bệ mới
17	Thi công hệ thống PCCC khu vực bệ tàu mới (T11/2024-	772.063.738	Bệ mới
18	Gia công xe triền mới cho bệ số 04; 05; 06; 07 (T03/2024)	31.523.980.163	Bệ mới
19	Gia công lắp đặt ống, van bệ tàu số 6 và hệ thống van ống dẫn vào khu bệ tàu mới (T10/2024-	1.708.314.915	Bệ mới
20	Gia công lắp đặt ống, van bệ tàu số 7 (T10/2024-	2.101.896.606	Bệ mới
21	Gia công lắp đặt ống, van bệ tàu số 4 (T11/2024-	921.769.699	Bệ mới
22	Gia công lắp đặt ống, van bệ tàu số 5 (T11/2024-	1.198.829.230	Bệ mới
23	Lắp bơm tăng áp nước ngọt bệ mới (T12/2024)	130.166.918	Bệ mới
24	Thi công nhà chứa rác khu bệ tàu mới	7.351.706	Bệ mới
	Bệ mới	189.919.798.676	
1	Hào công nghệ (Ban dự án)- (01/2023)	1.570.569.149	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
2	Thi công sân nền khu Sản xuất 01/2023-	1.829.308.952	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
3	Văn phòng xưởng X1-12/2023-	3.320.616.394	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
4	Thi công sửa chữa cải tạo nhà văn phòng xưởng X2 (11/08/2023 - 29/02/2024) (Ban dự án)	1.628.733.270	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
5	Nhà xưởng ống mới 2023 (31/12/2022 - 16/04/2024)	581.112.537	Xây dựng cải tạo nhà xưởng

6	Nhà xưởng X4 - (17/02/2023-)	180.645.948	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
7	Nhà để cát số 03 - (08/01/2024)	375.009.629	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
8	Sửa chữa Nhà Bảo vệ (04/05/2024)	123.960.790	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
9	Làm nhà kho, công văn phòng, mái che máy bơm nước áp lực cao (phục vụ Tổ Phun sơn, bắn cát)) (27.05.2024)	161.561.668	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
10	Sửa chữa căng tin tầng 2 làm nhà ở cho công nhân Ấn Độ (28/12/2024-	134.862.244	Xây dựng cải tạo nhà xưởng
	Xây dựng cải tạo nhà xưởng	9.906.380.581	
1	Ụ khô và Bến trang trí số 3 (18/12/2023)	1.218.017.037	Bến trang trí mới
2	Bến trang trí số 2 (28/10/2022)	1.968.598.350	Bến trang trí mới
	Bến trang trí mới	3.186.615.387	
1	Dự án chung	15.195.364.281	Dự án chung
	Dự án chung	15.195.364.281	
	Total	218.208.158.925	

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa hạ tầng năm 2025

Tổng hợp kế hoạch công việc và dự toán chi phí cho năm 2025 được thể hiện trong bảng như sau:

STT	Kế hoạch thi công				Giá trị hợp đồng thi công/ mua vật tư
	Nội dung công việc	Tiến độ (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	
1	Xây dựng Bến trang trí số 2	700,00	4/1/2025	3/2/2027	323.660.317.351
2	Thi công cải tạo hồ chứa nước	45,00	3/10/2025	4/24/2025	1.500.000.000
3	Xây dựng nhà WC cho công nhân khu bệ mới	30,00	4/1/2025	5/1/2025	350.000.000
4	Thi công xây dựng kho chứa cát+ kho chứa PS ball	60,00	5/1/2025	6/30/2025	4.500.000.000
5	Thi công xây dựng mở cửa khẩu qua đê	30,00	3/13/2025	4/12/2025	1.492.571.000



Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nosco Shipyards;
- Căn cứ quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nosco Shipyards;

Thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nosco Shipyards (“Công ty”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024**1. Công tác ban hành văn bản để quản lý và điều hành công ty năm 2024:**

Năm 2024, HĐQT đã thực hiện các cuộc họp định kỳ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trên cơ sở các cuộc họp và xin ý kiến các thành viên năm 2024, HĐQT đã ban hành các nghị quyết sau:

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
1.	23.02/2024/NQ-HĐQT	23/2/2024	V/v Ký Hợp đồng tư vấn quản lý nhà máy đóng tàu với Công ty TNHH Quản lý Vận hành nhà máy mới và sửa chữa tàu thủy VISEC. Ủy quyền TGD ký Hợp đồng trên.
2.	01.03/2024/NQ-HĐQT	01/3/2024	Bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, thay đổi người đại diện theo pháp luật



3.	23.03/2024/NQ-HĐQT	23/3/2024	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc
4.	13.04/2024/NQ-HĐQT	13/4/2024	V/v Thay đổi thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
5.	23.05/2024/NQ-HĐQT	23/5/2024	V/v thay đổi thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng
6.	12.06/2024/NQ-ĐHĐCĐ	12/6/2024	Thông qua Báo cáo SXKD, Báo cáo tài chính, Báo cáo hoạt động HĐQT, BKS, thù lao HĐQT, BKS; lựa chọn đơn vị kiểm toán; miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS
7.	09.09/2024/NQ-HĐQT	09/9/2024	V/v triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường tháng 09 năm 2024
8.	18.09/2024/NQ-HĐQT	18/9/2024	V/v thay đổi thời gian họp ĐHĐCĐ bất thường tháng 9/2024
9.	11.10/2024/NQ-HĐQT	11/10/2024	V/v Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT
10.	17.10/2024/NQ-HĐQT	17/10/2024	V/v bầu chức danh Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng
11.	23.10/2024/NQ-HĐQT	23/10/2024	Giảm lương chức danh Phó Tổng giám đốc
12.	06.12/2024/NQ-HĐQT	06/12/2024	V/v triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường tháng 12 năm 2024
13.	30.12/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên BKS Điều chỉnh mức thù lao Trưởng BKS

2. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

- Từ tháng 03 năm 2024, có sự thay đổi cơ bản nhân sự Ban điều hành, sử dụng nhân sự là người nước ngoài (Hàn Quốc). Việc ký hợp đồng tư vấn quản lý nhà máy đóng tàu với Công

ty TNHH Quản lý Vận hành nhà máy mới và sửa chữa tàu thủy VISEC cũng thể hiện nỗ lực của HĐQT trong việc cải thiện hiệu quả vận hành nhà máy thông qua sự hỗ trợ từ đơn vị tư vấn chuyên nghiệp.

- Ngoài ra, thành viên HĐQT cũng có những thay đổi. Do đó, HĐQT đã tập trung toàn bộ công tác kiện toàn nhà máy, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, HĐQT cũng tập trung chỉ đạo triển khai công tác xây dựng công trình, dự án hạ tầng, hệ thống báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh định kỳ...

- Về công tác nhân sự của Ban điều hành, trong năm 2024, có những thay đổi đáng kể về nhân sự Ban Điều hành (thay đổi các phó Tổng giám đốc, thay đổi Tổng giám đốc) là người nước ngoài, HĐQT cũng đã kịp thời thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc thay đổi nhân sự Ban điều hành để đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành nhà máy không bị gián đoạn.

3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với ban điều hành

- HĐQT thường xuyên theo dõi, chỉ đạo Ban điều hành bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh để hướng đến mục tiêu hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hàng tuần HĐQT đều tiến hành họp với TGD để trao đổi về kết quả sản xuất kinh doanh của TGD, đề ra các giải pháp kịp thời, định hướng hoạt động SXKD của Công ty. HĐQT sẽ xem xét dựa trên báo cáo của TGD để tổ chức cuộc họp nếu có vấn đề phát sinh theo quy định của Điều lệ.

- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Giám sát, chỉ đạo thực hiện công bố thông tin theo quy định.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa HĐQT với BKS

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với BKS trong các hoạt động của HĐQT.

HĐQT nhận thấy trong đầu năm 2024, công tác chỉ đạo, điều hành của HĐQT trong một số thời điểm còn chưa sát sao, quyết liệt. Vì vậy, trong năm 2025, HĐQT sẽ tập trung sát sao trong việc chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành và BKS nhằm đảm bảo công ty hoạt động theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

PHẦN II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025:

Năm 2025 dự kiến là năm có nhiều cơ hội khi ngành đóng tàu trong nước đang rất phát triển, nhất là khi xu hướng “xanh hoá” ngành hàng hải làm xuất hiện nhiều tàu mới, tuy nhiên cũng có không ít khó khăn, thách thức đối với Công ty khi có sự gia tăng cạnh tranh từ các



dock sửa chữa tàu trong nước và nước ngoài, vì vậy Công ty sẽ phải nâng cao cơ sở vật chất, hạ tầng để đáp ứng nhu cầu sửa chữa tàu biển đạt hiệu quả cả về chất lượng và thời lượng sửa chữa, phát triển tay nghề, trình độ chuyên môn của đội ngũ của cán bộ công nhân viên. Đồng thời Công ty phải tập trung nguồn vốn thực hiện một số hoạt động đầu tư của Nhà máy nhằm cải tạo, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ việc sửa chữa tàu biển, nâng cao năng lực sửa chữa tàu của Nhà máy.

HĐQT đánh giá rằng việc cân đối các nguồn lực, bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc phát sinh, triển khai áp dụng hiệu quả các công cụ quản lý, xây dựng và hoàn thiện đội ngũ nhân sự có trình độ, năng lực, tâm huyết là các yếu tố cần thiết để giúp Công ty có thể đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Do đó, trong năm 2025, HĐQT cần tập trung phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, quyết liệt triển khai các công việc sau đây:

- Tiếp tục đổi mới quản trị doanh nghiệp trên mọi mặt để phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đảm bảo kịp thời ứng phó với những thay đổi của thị trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, đào tạo nội bộ.
- Tập trung cải thiện các chính sách truyền thông, tiếp thị dịch vụ sửa chữa tàu biển của Công ty đến với nhiều đối tác, khách hàng trong khu vực và trên thế giới.
- Kiểm tra, kiện toàn quy trình sửa chữa tàu biển, cải thiện chất lượng và rút ngắn thời gian thực hiện dự án, nâng cao đội ngũ kỹ sư, công nhân viên để công việc đạt hiệu quả cao.
- Triển khai, thay thế các biện pháp làm sạch khác nhau nhằm bảo vệ môi trường, thay đổi cảnh quan thiên nhiên.
- Kiện toàn quy trình mua sắm vật tư, trang thiết bị cho Công ty theo tiêu chuẩn cải tiến, đảm bảo tiến độ sửa chữa.
- Đẩy mạnh quá trình đào tạo nhân lực, nâng cao đội ngũ công nhân, kỹ sư.

Trên đây là báo cáo của HĐQT, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên BKS;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Bảo Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard;
- Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nosco Shipyard;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard;

Ban Kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội về tình hình hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

PHẦN I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu BKS:

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nosco Shipyard gồm 03 thành viên:

- Bà: Đặng Thị Dung : Trưởng BKS: Bổ nhiệm ngày 30/12/2024
- Ông: Phạm Mạnh Tiến : Thành viên BKS: Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
- Bà: Ngô Thùy Linh : Thành viên BKS: Bổ nhiệm ngày 10/06/2022

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024:

2.1 Nội dung công tác Kiểm soát của BKS: Ban kiểm soát đã hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

- BKS đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc tuân thủ Điều lệ, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Pháp luật của nhà nước.

- Đánh giá, giám sát thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành.

- Thẩm định Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

2.2 Kiểm soát hoạt động quản lý điều và điều hành Công ty:



Thành viên HĐQT và Ban điều hành Công ty từ 01/01/2024 đến 31/12/2024, có sự thay đổi như sau:

Hội đồng quản trị:

- Ông Vũ Mạnh Tùng	: Chủ tịch	: Bổ nhiệm ngày 31/08/2022
- Ông Vũ Mạnh Tùng	: Chủ tịch	: Miễn nhiệm ngày 11/10/2024
- Ông Vũ Bảo Trung	: Chủ tịch	: Bổ nhiệm ngày 17/10/2024
- Ông Lê Thế Việt	: Thành viên	: Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
- Bà Lương Thị Sinh	: Thành viên	: Bổ nhiệm ngày 24/11/2023

Ban điều hành:

- Ông Vũ Bảo Trung	: Tổng giám đốc	: Bổ nhiệm ngày 08/09/2023
- Ông Vũ Bảo Trung	: Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 01/03/2024
- Ông Lee Sung Woo	: Tổng giám đốc	: Bổ nhiệm ngày 01/03/2024
- Ông Vũ Bảo Trung	: P. Tổng giám đốc	: Bổ nhiệm ngày 01/03/2024
- Ông Vũ Ngọc Phụng	: P. Tổng giám đốc	: Bổ nhiệm ngày 08/09/2023
- Ông Vũ Ngọc Phụng	: P. Tổng giám đốc	: Miễn nhiệm ngày 23/03/2024
- Ông Park You Sang	: P. Tổng giám đốc	: Bổ nhiệm ngày 01/03/2024
- Ông Đào Duy Hùng	: P. Tổng giám đốc	: Bổ nhiệm ngày 03/11/2023

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

+ Trong năm 2024, Các thành viên HĐQT Công ty đã tiến hành họp và ban hành các Nghị Quyết và Quyết định về tình hình sản xuất kinh doanh, Quyết định nhân sự của Công ty tuân thủ theo đúng Điều lệ của Công ty và Pháp luật hiện hành;

+ Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT trong năm 2024 và cũng đã được cung cấp đầy đủ các Biên bản họp, Nghị quyết của các cuộc họp Hội đồng quản trị.

2.3 Thẩm định báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2024:

+ Báo cáo tài chính năm 2024 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo đúng các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

+ Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

+ Việc ghi chép, theo dõi, phân loại các nội dung kinh tế trong báo cáo tài chính đã được thực hiện theo đúng các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Tổng doanh thu là: 577.335,86 triệu đồng

Trong đó:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu là: 559.905,34 triệu đồng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê và dịch vụ khác là: 17.430,52 triệu đồng
- Doanh thu tài chính - lãi CLTG là: 2.232,08 triệu đồng
- Doanh thu khác là: 4.071,18 triệu đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: -355.444,09 triệu đồng.

PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

Căn cứ vào tình hình hoạt động của BKS và Kế hoạch hoạt động Sản xuất kinh doanh của công ty năm 2024, Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Xem xét tính hợp lý và giám sát việc ban hành thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Thẩm định báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2025. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty;
- Xem xét, thẩm tra công tác ký kết các Hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư của Công ty;
- Phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc trong quản lý vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của BKS;



Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Kính chúc Quý cổ đông mạnh khỏe, thành đạt, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên BKS;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.



Đặng Thị Dung

Số: 08.04.9/2025/TTr-ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(V/v: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

Kính trình: Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2025

- Kính thưa: - Các Quý vị đại biểu.
- Các Quý vị Cổ đông.
- Toàn thể hội nghị.

Được sự ủy quyền của Hội đồng quản trị, tôi xin trình Đại hội Báo cáo Tài chính thực hiện năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty như sau:

1. Thứ nhất là: Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

- Tiền và các khoản tương đương tiền đến 31/12/2024 với số dư là: 9.136,49 triệu đồng tương đương bằng 0.23 % tổng tài sản.
- Các khoản phải thu khách hàng là: 63.602,26 triệu đồng và trả trước người bán là: 218.745,88 triệu đồng
- Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 4.690.947,65 triệu đồng (trong đó đã khấu hao 1.423.647,36 triệu đồng, giá trị còn lại 3.267.300,29 triệu đồng) được theo dõi tới từng đối tượng.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2024 là: 285.840,53 triệu đồng.
- Tài sản dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2024 là: 46.412,40 triệu đồng bao gồm chi phí trả trước dài hạn: 46.412,40 triệu đồng.
 - + Bố trí cơ cấu tài sản:
Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản năm 2024 là: 8.50%; cùng kỳ năm 2023 là: 5.31%.
 - Tài sản dài hạn/tổng tài sản năm 2024 là: 91.50%; cùng kỳ năm 2023 là: 94.69%.
 - + Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản:
Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế: -9.04 %
Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế: -9.04 %
- Nợ phải trả có số dư tại 31/12/2024 là : 6.976.543,91 triệu đồng
Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 4.077.834,47 triệu đồng
+ Nợ dài hạn: 2.898.709,44 triệu đồng - chỉ tiêu này thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty là các khoản vay dài hạn và lãi vay để phục vụ dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco Shipyard.

2. Thứ hai là: Về kết quả sản xuất kinh doanh

- Kết quả kinh doanh trong năm 2024 của Công ty như sau:

+ Tổng doanh thu là: 577.335,86 triệu đồng

Trong đó:

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu là: 559.905,34 triệu đồng

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê và dịch vụ khác là: 17.430,52 triệu đồng

Doanh thu tài chính - lãi CLTG là: 2.232,08 triệu đồng

Doanh thu khác là: 4.071,18 triệu đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: -355.444,09 triệu đồng.

Kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty lỗ do các nguyên nhân chính sau đây:

Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng quá cao (52%):

Chi phí lãi vay lớn cho thấy công ty đang phụ thuộc nặng vào nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn.

Biên lợi nhuận gộp thấp (chỉ 5%):

Giá vốn hàng bán chiếm tới 95% doanh thu, cho thấy chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí thuê ngoài sửa chữa tàu quá cao, hoặc công ty định giá hợp đồng dịch vụ chưa hợp lý.

Cạnh tranh về giá trong ngành sửa tàu có thể khiến doanh nghiệp giảm giá để giữ thị phần, ảnh hưởng biên lợi nhuận.

Chi phí quản lý doanh nghiệp cao (14%):

Các chi phí hành chính, nhân sự, văn phòng... vẫn duy trì ở mức cao trong khi lợi nhuận gộp không đủ bù chi phí.

Bộ máy quản lý cồng kềnh hoặc chưa tối ưu hiệu quả.

Trên đây là báo cáo về tình hình tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: PC, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Vũ Bảo Trung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 28
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nosco Shipyard (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5701302368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 13 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 11 tháng 03 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 4, xã Tiền Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bảo Trung	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2024)
Ông Vũ Mạnh Tùng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2024)
Ông Lê Thế Việt	Thành viên	
Bà Lương Thị Sinh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lee Sung Woo	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2024)
Ông Vũ Bảo Trung	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2024)
Ông Vũ Bảo Trung	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2024)
Ông Park You Sang	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2024)
Ông Đào Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2025)
Ông Vũ Ngọc Phụng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2024)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban
Bà Ngô Thuỳ Linh	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Tiến	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Lee Sung Woo – Tổng Giám đốc.

Ông Vũ Bảo Trung – Phó Tổng Giám đốc được ông Lee Sung Woo ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Giấy Ủy quyền số 110/GUQ-NOSCO ngày 26/03/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard

Thôn 4, xã Tiền Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nosco Shipyard**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 7 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 150524.002/BCTC.KT6 ngày 15/05/2024 về Báo cáo tài chính năm 2023, chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ về chi phí lãi vay giai đoạn tạm dừng thi công được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản, chưa thu thập được thông tin về hồ sơ liên quan đến chi phí đầu tư chưa ghi tăng tài sản, số dư công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận đầy đủ, chưa được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, công cụ dụng cụ và chưa thu thập được bằng chứng về tính hiện hữu đầy đủ của số dư chi phí phải trả. Các vấn đề này chưa được Công ty khắc phục trong năm nay do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, cụ thể như sau:

- Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay giai đoạn tạm dừng thi công số tiền 248.187.353.993 VND vào chi phí đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển và tạm tăng tài sản năm 2017 mà không ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015. Điều này đã dẫn đến chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (Mã số 221) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán đang phản ánh cao hơn với số tiền 179.168.489.799 VND tại ngày 01/01/2024 và số tiền 169.308.652.057 VND tại ngày 31/12/2024. Đồng thời chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" (Mã số 11) và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và năm 2024 phản ánh thấp hơn cùng số tiền 9.859.837.742 VND.
- Do giới hạn thông tin về hồ sơ liên quan đến chi phí đầu tư còn chưa được tạm tăng của Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines (xem tại Thuyết minh số 09) nên chúng tôi cũng chưa thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này tới các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.
- Tại ngày 31/12/2024, Số dư các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền 20.658.102.543 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 là 47.017.865.560 VND), Trả trước cho người bán ngắn hạn với số tiền 216.732.513.751 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 là 229.647.788.018 VND), Phải thu khác ngắn hạn với số tiền 99.333.698.354 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 là 24.011.379.574 VND), Phải trả người bán ngắn hạn với số tiền 132.878.916.888 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 là 51.383.790.702 VND), Người mua trả tiền trước ngắn hạn với số tiền 23.870.263.716 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 là 2.023.785.551 VND), Phải trả ngắn hạn khác với số tiền 11.433.416.050 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 là 12.464.501.355 VND) và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền 25.080.665.489 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 là 26.064.665.489 VND) chưa được xác nhận đầy đủ. Với các thông tin hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi chưa thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ và các điều chỉnh cần thiết (nếu có) của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính đính kèm.
- Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2023 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những thông tin hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính đầy đủ, hiện hữu và đánh giá của các khoản mục trên tại thời điểm đã được đề cập và không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính đính kèm hay không.
- Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ của số dư chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 cũng như tại ngày 01/01/2024 với số tiền lần lượt là 61.270.154.462 VND và 64.831.510.362 VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nosco Shipyard tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 3.743.521.713.859 VND. Số nợ quá hạn chưa thanh toán bao gồm Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 13), Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14), Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 16), Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 17) và Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18) là 3.521.566.721.123 VND. Vốn chủ sở hữu (Mã số 400) tại 31/12/2024 âm là 3.042.677.933.365 VND, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm và lũy kế âm lần lượt là 355.444.091.368 VND và 3.570.712.772.215 VND. Các vấn đề trên, cùng với các vấn đề được trình bày tại Thuyết minh số 01 - Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		334.312.757.549	192.620.751.716
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		9.136.498.176	12.778.912.584
111	1. Tiền	3	9.136.498.176	12.778.912.584
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		214.022.001.718	133.126.592.272
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	63.602.264.529	47.017.865.560
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	218.745.883.983	230.558.069.280
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	104.318.788.559	27.888.263.763
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(172.836.558.209)	(172.529.229.187)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		191.622.856	191.622.856
140	III. Hàng tồn kho		73.999.272.439	29.961.965.717
141	1. Hàng tồn kho	8	73.999.272.439	29.961.965.717
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		37.154.985.216	16.753.281.143
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	6.549.122.505	8.527.976.120
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.260.657.608	8.153.857.108
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	345.205.103	71.447.915
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.599.553.219.310	3.434.044.278.426
220	I. Tài sản cố định		3.267.300.288.770	3.277.099.239.950
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.267.121.455.420	3.276.910.039.938
222	- Nguyên giá		4.690.354.645.840	4.510.916.156.937
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.423.233.190.420)	(1.234.006.116.999)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	178.833.350	189.200.012
228	- Nguyên giá		593.000.000	473.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(414.166.650)	(283.799.988)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		285.840.531.717	119.902.341.941
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	285.840.531.717	119.902.341.941
260	III. Tài sản dài hạn khác		46.412.398.823	37.042.696.535
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	46.412.398.823	37.042.696.535
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.933.865.976.859	3.626.665.030.142

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.976.543.910.224	6.313.898.872.139
310	I. Nợ ngắn hạn		4.077.834.471.408	3.441.395.950.555
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	151.704.949.635	53.713.221.587
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	24.833.775.178	4.825.597.589
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.480.143.644	2.524.666.190
314	4. Phải trả người lao động		35.882.218.144	33.338.908.118
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	61.270.154.462	64.831.510.362
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.725.633.364.856	3.208.148.181.220
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	70.080.665.489	71.064.665.489
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	2.949.200.000	2.949.200.000
330	II. Nợ dài hạn		2.898.709.438.816	2.872.502.921.584
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	2.898.709.438.816	2.872.502.921.584
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(3.042.677.933.365)	(2.687.233.841.997)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(3.042.677.933.365)	(2.687.233.841.997)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		528.034.838.850	528.034.838.850
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		528.034.838.850	528.034.838.850
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.570.712.772.215)	(3.215.268.680.847)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.215.268.680.847)	(2.987.060.771.630)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(355.444.091.368)	(228.207.909.217)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.933.865.976.859	3.626.665.030.142

Cao Thị Quyên
Kế toán trưởng

Vũ Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	577.335.861.029	596.906.149.631
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	393.410.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		577.335.861.029	596.512.739.631
11	4. Giá vốn hàng bán	23	549.022.076.337	424.773.927.552
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.313.784.692	171.738.812.079
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.232.081.080	267.056.742
22	7. Chi phí tài chính	25	299.777.028.302	349.363.506.606
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		243.247.273.099	315.701.675.577
25	8. Chi phí bán hàng	26	3.864.290.845	6.531.379.753
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	79.799.369.980	39.743.710.888
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(352.894.823.355)	(223.632.728.426)
31	11. Thu nhập khác	28	4.071.179.801	791.878.366
32	12. Chi phí khác	29	6.620.447.814	5.367.059.157
40	13. Lợi nhuận khác		(2.549.268.013)	(4.575.180.791)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(355.444.091.368)	(228.207.909.217)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(355.444.091.368)	(228.207.909.217)

Cao Thị Quyên
Kế toán trưởng

Vũ Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(355.444.091.368)	(228.207.909.217)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		189.911.107.427	183.372.393.038
03	- Các khoản dự phòng		307.329.022	9.267.503.742
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		55.578.256.392	33.317.628.674
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(166.000.816)	(173.307.984)
06	- Chi phí lãi vay		243.247.273.099	315.701.675.577
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		133.433.873.756	313.277.983.830
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(117.662.759.964)	(72.611.278.555)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(44.037.306.722)	(8.180.763.538)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		306.905.122.410	(114.431.035.306)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(7.390.848.673)	(35.665.458.696)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		271.248.080.807	82.389.447.735
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(274.185.874.499)	(64.876.416.308)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		20.000.000	167.250.903
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		146.000.816	6.057.081
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(274.019.873.683)	(64.703.108.324)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(984.000.000)	(17.990.300.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(984.000.000)	(17.990.300.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.755.792.876)	(303.960.589)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.778.912.584	13.085.512.823
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		113.378.468	(2.639.650)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		9.136.498.176	12.778.912.584

Cao Thị Quyên
Kế toán trưởng

Vũ Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5701302368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 13 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 11 tháng 03 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 4, xã Tiền Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 528.034.830.000 VND, tương đương 52.803.483 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 905 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 547 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Đóng tàu và cầu kết nối; Sửa chữa máy móc thiết bị; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;...

Hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 3.743.521.713.859 VND. Số nợ quá hạn chưa thanh toán bao gồm Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 13), Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14), Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 16), Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 17) và Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18) là 3.521.566.721.123 VND. Vốn chủ sở hữu (Mã số 400) tại 31/12/2024 âm là 3.042.677.933.365 VND, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm và lũy kế âm lần lượt là 355.444.091.368 VND và 3.570.712.772.215 VND.

Tuy nhiên, Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 đang dương, đồng thời qua các đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty cũng như các phân tích dự báo về hoạt động của Công ty trong thời gian tới, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ đạt được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ nhà đầu tư để thanh toán các cam kết khi đến hạn và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính này được lập dựa trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa sản năng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 01 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí đã phát sinh nhưng chưa nhận được hoá đơn, chi phí thuê nhà thầu phụ sửa chữa tàu, chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sửa chữa tàu biển trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	96.763.576	450.451.392
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.039.734.600	12.328.461.192
	9.136.498.176	12.778.912.584

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Phương Đông	-	11.145.157.183
- Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Hà Trang	10.757.194.439	10.884.662.831
- Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Sao Việt	-	6.118.617.072
- Công ty Cổ phần Vận tải biển châu Á Thái Bình Dương	31.498.050.196	1.794.025.916
- Các khách hàng khác	21.347.019.894	17.075.402.558
	63.602.264.529	47.017.865.560

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	5.885.629.667	5.885.629.667
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	5.885.629.667	5.885.629.667
Bên khác	212.860.254.316	224.672.439.613
- Shindong Digitech Co.Ltd	88.219.784.952	88.219.784.952
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC	25.330.696.000	25.330.696.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Thành Nam	21.304.395.537	21.304.395.537
- Trả trước cho người bán khác	78.005.377.827	89.817.563.124
	218.745.883.983	230.558.069.280

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tạm ứng	9.692.404.373	2.377.605.108
- Ký cược, ký quỹ	6.524.330.168	2.902.030.000
- Doanh thu tạm tính	66.155.138.937	-
- Phải thu ngắn hạn khác	21.946.915.081	22.608.628.655
Bên liên quan	10.498.392.539	10.498.392.539
+ Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (i)	10.498.392.539	10.498.392.539
Bên khác	11.448.522.542	12.110.236.116
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên	33.594.000	1.876.884.189
+ Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	5.138.026.159	5.131.726.159
+ Các đối tượng khác	5.276.902.383	4.101.625.768
	104.318.788.559	27.888.263.763

(i) Khoản phải thu theo cam kết 3 bên giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông và Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức. Theo đó, Công ty đã trả thay Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông khoản vay Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức với số tiền 10,5 tỷ VND, số dư tại ngày 31/12/2024 là 10.498.392.539 VND.

(ii) Khoản tiền cho vay theo khế ước vay vốn kèm giấy nhận nợ số 01/KU'VV/2011 ngày 05/09/2011, thời hạn sử dụng tiền vay và lãi suất không được ghi trong hợp đồng. Khoản vay được thanh toán khi bên cho vay báo trước 10 đến 15 ngày theo thỏa thuận. Thời điểm hiện tại, Công ty này đã ngừng hoạt động.

7 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	398.826.044	72.121.500	398.826.044	199.413.022
- Công ty Cổ phần Dầu khí Fgas	141.866.044	-	141.866.044	70.933.022
- Seatrans Management Enterprises Inc	256.960.000	72.121.500	256.960.000	128.480.000
Phải thu ngắn hạn khác	16.630.118.698	-	16.630.118.698	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	10.498.392.539	-	10.498.392.539	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	5.131.726.159	-	5.131.726.159	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	160.120.840.167	4.241.105.200	160.120.840.167	4.421.142.700
- Shindong Digitech Co,Ltd	88.219.784.952	-	88.219.784.952	-
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC	25.330.696.000	-	25.330.696.000	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Thành Nam	21.304.395.537	-	21.304.395.537	-
- Các đối tượng khác	25.265.963.678	4.241.105.200	25.265.963.678	4.421.142.700
	177.149.784.909	4.313.226.700	177.149.784.909	4.620.555.722

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	55.589.322.066	12.924.870.257
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.409.950.373	17.037.095.460
+ Chi phí sửa chữa tàu	18.409.950.373	17.037.095.460
	73.999.272.439	29.961.965.717

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Mua sắm TSCĐ	1.981.887.613	13.917.933.687
- Xây dựng cơ bản	283.396.083.050	105.984.408.254
+ Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines (i)	261.150.954.012	68.038.403.585
+ Dự án Thi công sân nền khu Sản xuất	-	10.635.273.896
+ Dự án Hào công nghệ	-	7.913.862.011
+ Các dự án khác	22.245.129.038	19.396.868.762
- Sửa chữa lớn	462.561.054	-
	285.840.531.717	119.902.341.941

(i) Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư số 22.121.000.12 cấp lần đầu ngày 26/11/2009 và lần thứ hai ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines, tỉnh Quảng Ninh. Tổng mức vốn đầu tư của dự án là 5.400.377 triệu VND theo hình thức huy động vốn tự có và vốn vay thương mại; Thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Dự án được tiến hành theo các giai đoạn:

- Giai đoạn 01 đến năm 2015 với tổng vốn đầu tư 4.199.742 triệu VND, đầu tư xây dựng sàn nâng tàu đảm bảo nâng hạ tàu đến 70.000 DWT với 7 bệ sửa chữa cho tàu từ 30.000 DWT – 70.000 DWT, 01 cầu tàu 70.000 DWT, san lấp mặt bằng nhà máy, các phân xưởng, hạng mục công trình đường bãi, công trình phụ trợ và các thiết bị thiết yếu để vận hành nhà máy sửa chữa tàu thủy, sửa chữa tàu biển có trọng tải đến 70.000 DWT, công suất khoảng 95 – 100 lượt chiếc/năm.
- Giai đoạn 2 từ 2015 – 2020: Tổng mức đầu tư 1.200.000 triệu VND. Bổ sung 01 cầu cảng 30.000 DWT, 03 bến phao neo tàu từ 30.000 DWT – 50.000 DWT, hoàn thiện hệ thống kho, xưởng, đường, bãi,... Công suất nhà máy dự kiến đạt 120 lượt chiếc/năm.
- Giai đoạn hoàn thiện: Bổ sung 2 bệ, nâng tổng số bệ sửa chữa tại nhà máy bên 9 bệ, hệ thống kho xưởng, công trình đường bãi trong đề và hoàn thiện trang thiết bị công nghệ. Công suất nhà máy lên khoảng 150 đến 180 lượt chiếc/năm.

Tại ngày 01/01/2017, Giai đoạn 1 của Dự án đi vào hoạt động và Công ty đã tạm tăng toàn bộ tài sản giai đoạn 1 với giá trị 4.404.558.455.413 VND. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa tạm tăng tài sản tại 31/12/2024 bao gồm:

- Số tiền 63.741.344.769 VND là chi phí thuế nhập khẩu và chi phí lưu kho bãi thiết bị nhập khẩu cho nhà máy giai đoạn 1, Công ty chưa có kế hoạch phân bổ các chi phí trên cho phần thiết bị;
- Số tiền 192.506.770.848 VND là chi phí thi công bệ tàu số 4;5;6;7 cho nhà máy giai đoạn 1;
- Phần còn lại 4.902.838.395 VND là chi phí xây dựng nhà máy giai đoạn 2.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán FAST có nguyên giá 593.000.000 VND. Giá trị khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2024 là 414.166.650 VND, trong đó giá trị khấu hao trong năm là 130.366.662 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.370.846.196	3.209.943.030
- Chi phí nạo vét khu vực thượng lưu nhà máy	773.715.766	2.819.388.000
- Chi phí bảo dưỡng xe, bảo hiểm	404.560.543	2.498.645.090
	6.549.122.505	8.527.976.120
Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa, gia công	36.330.126.504	29.554.072.078
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.082.272.319	7.488.624.457
	46.412.398.823	37.042.696.535

13 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải biển Hải Vân	60.540.000	11.960.540.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị công nghiệp Đông Anh	1.417.604.005	5.704.630.841
- Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Việt Mỹ	31.665.611.340	-
- Công ty TNHH Gas Venus	49.659.932.484	-
- Các đối tượng khác	68.901.261.806	36.048.050.746
	151.704.949.635	53.713.221.587
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Công ty TNHH Sơn Trường	1.142.435.272	1.142.435.272
- Công ty TNHH Dịch vụ biển Hải Phong	1.107.096.760	1.107.096.760
- Fks Engineering Group Limited	4.664.112.512	-
- Phải trả các đối tượng khác	8.736.175.930	7.773.443.615
	15.649.820.474	10.022.975.647

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	419.552.473	419.552.473
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	419.552.473	419.552.473
Bên khác	24.414.222.705	4.406.045.116
- Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	-	2.801.812.038
- Công ty TNHH Thanh Thành Đạt	19.254.196.931	-
- Các đối tượng khác	5.160.025.774	1.604.233.078
	24.833.775.178	4.825.597.589

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 03.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí đã phát sinh nhưng chưa nhận được hóa đơn	49.658.764.142	52.724.312.016
- Chi phí lãi vay cá nhân	11.611.390.320	9.715.129.386
- Chi phí môi giới	-	2.392.068.960
	61.270.154.462	64.831.510.362

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- Lãi vay cá nhân	11.611.390.320	9.715.129.386
	11.611.390.320	9.715.129.386

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.280.854.531	2.347.498.556
- Bảo hiểm xã hội	2.246.329.956	806.221.389
- Bảo hiểm y tế	361.994.775	143.691.864
- Bảo hiểm thất nghiệp	146.501.485	63.233.050
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.389.556.600	1.828.516.000
- Lãi vay cá nhân	1.742.405.120	1.742.405.120
- Lãi vay phải trả tổ chức (*)	3.463.204.268.059	3.192.323.035.006
+ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	2.397.804.268.059	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ vận tải dầu khí Ovtrans	1.065.400.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	3.192.323.035.006
- Mượn tiền các cá nhân	253.162.906.226	8.892.906.226
Bên liên quan		
+ Bà Lương Thị Sinh	245.960.000.000	-
Bên khác		
+ Các đối tượng khác	7.202.906.226	8.892.906.226
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.548.104	674.009
	3.725.633.364.856	3.208.148.181.220

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- Lãi vay cá nhân	1.742.405.120	1.742.405.120
- Mượn tiền các cá nhân	1.698.906.226	1.698.906.226
- Lãi vay phải trả tổ chức (*)	3.463.204.268.059	3.192.323.035.006
	3.466.645.579.405	3.195.764.346.352

(*) Khoản lãi vay phát sinh từ Hợp đồng vay vốn phục vụ Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines được tính lũy kế từ thời điểm vay vốn đến thời điểm 31/12/2024. Khoản công nợ được chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo hợp đồng mua bán nợ số 15/2023/HĐMBN-DATC-VIETINBANK ngày 13/09/2023 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Đồng thời khoản lãi phải trả cũng được Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam chuyển giao theo tiến độ cho Công ty TNHH Dịch vụ vận tải dầu khí Ovtrans theo hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/HĐMBN-DATC-OVTRANS ngày 03/07/2024.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự phòng phải trả chi phí thi hành án	2.949.200.000	2.949.200.000
	2.949.200.000	2.949.200.000

Khoản dự phòng phải trả liên quan tới vụ kiện của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ ADECO theo Quyết định thi hành án chủ động số 135/QĐ-CCTHADS ngày 03/11/2023 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 148/QĐ-CCTHADS ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên. Công ty đang tiến hành kháng cáo và được đình chỉ thi hành án theo Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	528.034.838.850	(2.987.060.771.630)	(2.459.025.932.780)
Lỗi trong năm trước	-	(228.207.909.217)	(228.207.909.217)
Số dư cuối năm trước	528.034.838.850	(3.215.268.680.847)	(2.687.233.841.997)
Lỗi trong năm nay	-	(355.444.091.368)	(355.444.091.368)
Số dư cuối năm nay	528.034.838.850	(3.570.712.772.215)	(3.042.677.933.365)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	112.275.080.000	21,26	112.275.080.000	21,26
- Bà Nguyễn Quỳnh Anh	411.898.550.000	78,01	4.150.560.000	0,79
- Ông Nguyễn Lê Dũng	-	-	213.879.990.000	40,50
- NVS Holdings Pte.Ltd	-	-	127.697.690.000	24,18
- Các cổ đông khác	3.861.208.850	0,73	70.031.518.850	13,27
	528.034.838.850	100,00	528.034.838.850	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	528.034.838.850	528.034.838.850
- Vốn góp cuối năm	528.034.838.850	528.034.838.850

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.803.483	52.803.483
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	52.803.483	52.803.483
- Cổ phiếu phổ thông	52.803.483	52.803.483
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.803.483	52.803.483
- Cổ phiếu phổ thông	52.803.483	52.803.483
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Tiền Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh để sử dụng với mục đích để xây dựng Nhà máy sửa chữa tàu biển từ năm 2009 đến năm 2059. Diện tích khu đất thuê là 1.024.902,5 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu biển	559.905.337.610	591.293.241.999
Doanh thu cho thuê tàu lai dắt	5.268.913.548	5.411.612.903
Doanh thu khác	12.161.609.871	201.294.729
	577.335.861.029	596.906.149.631
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	-	24.195.524.727

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ sửa chữa tàu biển	534.216.662.827	417.708.050.161
Giá vốn của dịch vụ cho thuê tàu lai dắt	7.327.021.316	7.065.877.391
Giá vốn khác	7.478.392.194	-
	549.022.076.337	424.773.927.552

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	146.000.816	6.057.081
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.086.080.264	260.999.661
	2.232.081.080	267.056.742

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	243.247.273.099	315.701.675.577
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	951.498.811	344.202.355
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	55.578.256.392	33.317.628.674
	299.777.028.302	349.363.506.606

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	2.095.779.039	-
Phí môi giới năm nay	1.002.496.531	6.087.866.321
Hoàn nhập phí môi giới năm trước	(1.211.483.426)	-
Chi phí khác	1.977.498.701	443.513.432
	3.864.290.845	6.531.379.753

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.241.776	4.039.238
Chi phí nhân công	52.558.852.746	9.668.368.369
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.914.996.939	1.804.726.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.277.354.715	14.073.838.993
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trích lập dự phòng	307.329.022	6.318.303.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.938.718.640	4.953.213.522
Chi phí khác bằng tiền	4.731.876.142	2.918.221.020
	79.799.369.980	39.743.710.888

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	998.862.873	88.100.000
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	20.000.000	167.250.903
Vật tư thừa do kiểm kê	1.721.519.240	284.121.392
Thu nhập khác	1.330.797.688	252.406.071
	4.071.179.801	791.878.366

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thi hành án	-	2.949.200.000
Chi phí bồi thường	483.000.000	1.549.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ hỏng không sử dụng	4.798.583.224	-
Chi phí khác	1.338.864.590	868.859.157
	6.620.447.814	5.367.059.157

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	-	24.195.524.727
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	9.511.959.592	3.437.440.603
- Thu nhập của Ban Kiểm soát	154.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Cao Thị Quyên
Kế toán trưởng


Vũ Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard

Thôn 4, xã Tiền Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.140.280.408.013	2.033.931.591.985	329.538.430.958	1.807.913.930	5.357.812.051	4.510.916.156.937
- Mua trong năm	-	55.359.708.170	73.197.945.299	1.043.533.300	3.589.193.202	133.190.379.971
- Đầu tư XDCB hoàn thành	46.801.776.276	-	-	-	-	46.801.776.276
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(553.667.344)	-	-	(553.667.344)
Số dư cuối năm	2.187.082.184.289	2.089.291.300.155	402.182.708.913	2.851.447.230	8.947.005.253	4.690.354.645.840
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	660.489.136.894	445.110.339.168	124.993.508.629	1.515.332.922	1.897.799.386	1.234.006.116.999
- Khấu hao trong năm	150.609.947.494	15.868.537.098	21.749.659.149	234.121.293	1.318.475.731	189.780.740.765
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(553.667.344)	-	-	(553.667.344)
Số dư cuối năm	811.099.084.388	460.978.876.266	146.189.500.434	1.749.454.215	3.216.275.117	1.423.233.190.420
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.479.791.271.119	1.588.821.252.817	204.544.922.329	292.581.008	3.460.012.665	3.276.910.039.938
Tại ngày cuối năm	1.375.983.099.901	1.628.312.423.889	255.993.208.479	1.101.993.015	5.730.730.136	3.267.121.455.420

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.072.632.345.300 VND (Thuyết minh 13);
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.051.857.238 VND.

Công ty Cổ phần Nosco Shipyard

Thôn 4, xã Tiên Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 02 : VAY

	01/01/2024 Giá trị VND	Trong năm		31/12/2024 Giá trị VND
		Tăng VND	Giảm VND	
a. Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn (*)	26.064.665.489	-	984.000.000	25.080.665.489
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	695.000.000	-	-	695.000.000
- Vay cá nhân	25.369.665.489	-	984.000.000	24.385.665.489
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (**)	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	71.064.665.489	45.000.000.000	45.984.000.000	70.080.665.489
b. Vay dài hạn				
Vay dài hạn	2.917.502.921.584	-	2.917.502.921.584	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	-	2.943.709.438.816	-	2.943.709.438.816
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (**)	2.917.502.921.584	2.943.709.438.816	2.917.502.921.584	2.943.709.438.816
	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
	2.872.502.921.584			2.898.709.438.816

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(*) Các khoản vay ngắn hạn theo các khế ước kiểm soát giấy nhận nợ, mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty; Lãi suất vay được quy định trên từng hợp đồng vay cụ thể; thời hạn vay do thỏa thuận của các bên.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(**) Khoản vay được chuyển giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng mua bán nợ số 15/2023/HDMBN-DATC-VIETINBANK ngày 13/09/2023 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines. Tài sản đảm bảo khoản vay (Thuyết minh 10) gồm có:

- Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai;
- Máy móc thiết bị, các động sản và các quyền tài sản khác;
- Tài sản gắn liền trên đất và lợi thế khai thác BĐS;
- Cổ phần của các cổ đông sáng lập và một số cổ đông có liên quan.

Tại ngày 31/12/2024, số dư gốc vay bao gồm 2.349.035.618.378 VND vay bằng Đồng Việt Nam và 594.673.820.438 VND vay bằng Đô la Mỹ (tương đương 23.273.993,99 USD), lãi suất khoản vay bằng Đồng Việt Nam là 10,5% /năm, lãi suất khoản vay bằng Đô la Mỹ là 7%/năm. Thời hạn vay đến 25/03/2028.

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Phụ lục 03 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Điều chỉnh giảm số phải nộp các năm trước	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	-	8.252.511.930	-	-	-
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	1.338.218.640	-	-	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	71.447.915	-	15.985.473.859	-	-	2.900.878.209
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	1.228.553.583	1.518.413.951	345.205.103	-
- Các loại thuế khác	-	2.524.666.190	156.519.431	-	-	2.579.265.435
	71.447.915	2.524.666.190	26.961.277.443	1.518.413.951	345.205.103	5.480.143.644

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Các loại thuế khác	2.579.265.435	2.524.666.190
	2.579.265.435	2.524.666.190





CÔNG TY CỔ PHẦN
NOSCO SHIPYARD

Số: 08.04/10/2025/TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nosco Shipyard

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025 việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Ban Kiểm soát Công ty đề xuất với Đại hội đồng cổ đông Công ty các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

(i) Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

(ii) Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán BCTC trong lĩnh vực ngành sửa chữa tàu biển;

(iii) Không xung đột quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Công ty (việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC);

(iv) Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty CP Nosco Shipyard yêu cầu.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập

Với các tiêu thức lựa chọn đã nêu tại Mục 1, Ban Kiểm soát Công ty đề xuất 05 (năm) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC trong năm tài chính 2025 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY;
- Công ty TNHH kiểm toán TTP.

- Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

3. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

(1) Thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách 05 (năm) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2025.

(2) Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty và giao cho Tổng giám đốc Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty CP Nosco Shipyard.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty (để p/h);
- TGD Công ty (để biết);
- Lưu: PC, TCKT.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY



ĐẶNG THỊ DUNG

Số: 08.04.11/2025/TTr-ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nosco Shipyards;
- Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Đơn đề cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 của các cổ đông;
- Các quy định pháp luật hiện hành liên quan.

Hội đồng Quản trị trân trọng trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 Công ty xem xét và thông qua Danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

I. Thông qua nhân sự Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT): ba (03) thành viên.
2. Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do các cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông giới thiệu là: ba (03) người, trong đó:
 - Bà Nguyễn Quỳnh Anh nắm giữ 78,2% giới thiệu: hai (02) người;
 - Công ty cổ phần vận tải biển và Thương mại Phương Đông nắm giữ 21,26% giới thiệu: một (01) người.

3. Danh sách ứng cử viên HĐQT

STT	Tên ứng viên	Chức danh hiện tại	Chức danh đề bầu	Điều kiện/Tiêu chuẩn	Tên cổ đông đề cử vào HĐQT
1	Đỗ Hữu Nguyễn	Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT	Đáp ứng theo tiêu chuẩn	Nguyễn Quỳnh Anh
2	Lương Thị Sinh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT		Nguyễn Quỳnh Anh

3	Lê Thế Việt	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT		Công ty cổ phần vận tải biển và Thương mại Phương Đông
---	-------------	--------------------	-----------------------	--	--

II. Thông qua nhân sự Ban kiểm soát

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát (BKS): ba (03) thành viên.
- Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do các cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông giới thiệu là: ba (03) người, trong đó:
 - Bà Nguyễn Quỳnh Anh nắm giữ 78,2% giới thiệu: hai (02) người;
 - Công ty cổ phần vận tải biển và Thương mại Phương Đông nắm giữ 21,26% giới thiệu: một (01) người.

3. Danh sách ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát

STT	Tên ứng viên	Chức danh hiện tại	Chức danh đề bầu	Điều kiện/ Tiêu chuẩn	Tên cổ đông đề cử vào BKS
1	Đặng Thị Dung	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Đáp ứng theo tiêu chuẩn	Nguyễn Quỳnh Anh
2	Ngô Thùy Linh	Thành viên BKS	Thành viên BKS		Nguyễn Quỳnh Anh
3	Phạm Mạnh Tiến	Thành viên BKS	Thành viên BKS		Công ty cổ phần vận tải biển và Thương mại Phương Đông

Kính đề nghị Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty (để p/h);
- TGĐ Công ty (để biết);
- Lưu: PC, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Bảo Trung

Phụ lục 1

**SƠ YẾU LÝ LỊCH NHÂN SỰ ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

1. Ông ĐỖ HỮU NGUYỄN

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nghề nghiệp: Quản lý Sửa chữa tàu biển
- Ngày, tháng, năm sinh: 03/10/1987
- Trình độ học vấn: Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Vị trí công việc đảm nhận
10/2009-12/2014	Công ty TNHH huấn luyện cung ứng lao động và dịch vụ hàng hải VINIC	Sĩ quan vận hành không hạn chế.
01/2015-5/2017	Xí nghiệp vận tải biển và công tác lặn- công ty liên doanh Vietsovpetro	Sĩ quan vận hành không hạn chế
7/2017-12/2019	Công ty THNN vận tải biển Nhật Việt	Chuyên viên vật tư và Đại diện chủ tàu
01/2020-9/2021	SAIGON BULK CARRIER CORP	Chuyên viên kinh doanh- đàm phán và cho thuê tàu biển
10/2021-9/2022	Công ty COSCO (Trung Quốc)	Đại diện kỹ thuật tại thị trường Việt Nam
10/2022- nay	Nhà máy sửa chữa tàu biển NOSCO	Cố vấn ban tổng giám đốc



2. Bà LƯƠNG THỊ SINH

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nghề nghiệp: Quản lý kinh doanh
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/12/1976
- Trình độ học vấn: Đại Học

STT	Bằng cấp	Tổ chức cấp bằng/chứng chỉ	Thời gian cấp bằng/chứng chỉ
1	Kinh tế tài chính	Tài chính	1998

- Quá trình công tác

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Vị trí công việc đảm nhận
-----------	-----------------------------	---------------------------

09/1994-12/2004	VP Castrol Hà Nội. XN LD Castrol Việt Nam	Tài Vụ
07/2008-05/2015	Công ty TNHH Thương Mại Quỳnh Anh	Giám đốc công ty
06/2015-05/2017	Công ty TNHH Sellan Gas	Phó Giám Đốc công ty
06/2017-09/2020	Công ty TNHH Gas Venus	Tổng Giám Đốc
10/2020 đến nay	Công ty TNHH Gas Venus	Giám đốc kinh doanh

3. Ông LÊ THẾ VIỆT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nghề nghiệp: Phó TGĐ Công ty CP Vận tải biển và thương mại Phương Đông
- Ngày, tháng, năm sinh: 15/01/1983
- Trình độ học vấn: Đại Học

STT	Bằng cấp	Tổ chức cấp bằng/chứng chỉ	Thời gian cấp bằng/chứng chỉ
1	Kỹ sư máy tàu biển	Trường Đại Học Hàng Hải Việt Nam	2006
2	Thma gia khóa huấn luyện SEOCJ của Nhật Bản		2007

- Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí công việc đảm nhận	Tên cơ quan đơn vị công tác
11/2006 - 12/2007		Tham gia khóa huấn luyện SEOCJ của Nhật Bản
2008 - 8/2010	Công ty TNHH Đông Đô	Thuyền viên
9/2010 - 8/2015	Công ty VTB Container Vinalines	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Vật tư
9/2015 - 12/2015	Công ty CP Vận tải biển và thương mại Phương Đông	Phó trưởng phòng Phòng Kỹ thuật Vật tư
01/2016 - 07/2020	Công ty CP Vận tải biển và thương mại Phương Đông	Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư
08/2020 đến nay	Công ty CP Vận tải biển và thương mại Phương Đông	Phó tổng giám đốc

Phụ lục 2

**SƠ YẾU LÝ LỊCH NHÂN SỰ ỨNG VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

1. Bà ĐẶNG THỊ DUNG

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nghề nghiệp: Kế toán
- Ngày, tháng, năm sinh: 02/06/1981
- Trình độ học vấn: Đại học

STT	Bằng cấp	Tổ chức cấp bằng/chứng chỉ	Thời gian cấp bằng/chứng chỉ
1	Chứng chỉ: Kế toán trưởng	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	25/09/2002
2	Bằng tốt nghiệp đại học: Cử nhân kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	15/07/2003
3	Chứng chỉ: Bồi dưỡng kế toán trưởng	Học viện tài chính	08/12/2006

- Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Vị trí công việc đảm nhận
Từ tháng 10/2003 - tháng 03/2005	Thi hành án dân sự Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Kế toán viên
Từ tháng 04/2005 - tháng 08/2007	Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên	Kế toán trưởng
Từ tháng 09/2007 - tháng 06/2009	Công ty CPĐT XD và Ngoại thương Việt Nam tại Hà Nội	Kế toán trưởng
Từ tháng 10/2009 - tháng 11/2021	Công ty CP Dầu khí Fgas tại Hà Nội	Kế toán trưởng
Từ tháng 12/2021 - Nay	Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Dầu khí Ovtrans tại Hà Nội	Kế toán trưởng

2. Bà NGÔ THÙY LINH

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nghề nghiệp : Kế toán
- Ngày, tháng, năm sinh: 07/12/1986
- Trình độ học vấn : Cử nhân kinh tế - Tài chính kế toán - Đại học Kinh Tế Quốc Dân

STT	Bằng cấp	Tổ chức cấp bằng/chứng chỉ	Thời gian cấp bằng/chứng chỉ
1	Bằng cử nhân kinh tế - tài chính kế toán	Đại học kinh tế quốc dân	2009
2	Chứng chỉ ngoại ngữ	Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	2007
3	Chứng chỉ tin học	Viện tin học ứng dụng	2007

- Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Vị trí công việc đảm nhận
2009 - 2010	Công ty TNHH Thương mại Quỳnh Anh	Kế toán tổng hợp
2010 – 11/2021	Công ty Cổ phần Dầu Khí Fgas	Kế toán tổng hợp
12/2021 – 03/2022	Công ty Cổ phần Dầu Khí Fgas	Kế toán trưởng
04/2022 – 11/2024	Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Việt Mỹ	Kế toán trưởng
12/2024 - Nay	Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương	Kế toán trưởng

3. Ông PHẠM MẠNH TIẾN

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nghề nghiệp: Kế toán
- Ngày, tháng, năm sinh: 26/09/1983
- Trình độ học vấn: Cử nhân kế toán

STT	Bằng cấp	Tổ chức cấp bằng/chứng chỉ	Thời gian cấp bằng/chứng chỉ
1	Cử nhân	Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật công nghiệp I	2004
2	Cử nhân	Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp	2006
3	Chứng chỉ Kế toán trưởng DN	Trường Đại học kinh tế quốc dân	2015

- Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Vị trí công việc đảm nhận
Từ T3/2005-T3/2007	Công ty vận tải biển Bắc thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán
Từ T3/2007-T6/2017	Công ty cổ phần vận tải biển Bắc thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán
T6/2017 đến nay	Công ty cổ phần vận tải biển và TM Phương Đông	Phó phòng phòng Tài chính kế toán

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
PHÊ DUYỆT QUỸ THÙ LAO THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS
CÔNG TY CP NOSCO SHIPYARD NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2025

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Nosco Shipyards;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Nosco Shipyards năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nosco Shipyards kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua về mức thù lao của thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2025 như sau:

I - Tổng hợp thực hiện thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2024

Căn cứ quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS được ĐHCĐ phê duyệt ngày 25/4/2024, Công ty đã tiến hành chi trả thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2024 như sau:

Bảng 1: Tổng hợp thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2024

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao/tháng (VNĐ)	Số tháng hưởng thù lao	Tổng tiền thù lao (VNĐ)
1.	Ông Vũ Bảo Trung	CT. HĐQT	30,000,000	3	90,000,000
2.	Ông Lê Thế Việt	TV HĐQT	2,000,000	12	24,000,000
3.	Bà Lương Thị Sinh	TV HĐQT	2,000,000	12	24,000,000
4.	Ông Vũ Mạnh Tùng (đã miễn nhiệm)	CT. HĐQT	30,000,000	9	270,000,000
5.	Bà Hoàng Phương Nga (đã miễn nhiệm)	Trưởng BKS	10,000,000	6	60,000,000
6.	Bà Đặng Thị Dung	Trưởng BKS	3,000,000	5	15,000,000
7.	Ông Phạm Mạnh Tiến	TV BKS	2,000,000	12	24,000,000
8.	Bà Ngô Thùy Linh	TV BKS	2,000,000	12	24,000,000
	Tổng cộng:				531,000,000

Số tiền thù lao đã chi trả: 531.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu đồng) (đã chi trả hết).

II - Đề nghị Quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2025:

Năm 2025, Công ty dự kiến Quỹ thù lao và các mức thù lao đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua như sau:

1. Mức thù lao thành viên HĐQT

- Thù lao Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 30.000.000đ/tháng
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách (02 người): 2.000.000đ/tháng

2. Mức thù lao thành viên Ban kiểm soát:

- Thù lao Trưởng ban kiểm soát: 2.000.000đ/tháng
- Thù lao thành viên BKS (02 người): 2.000.000đ/tháng

3. Tổng quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2025:

Tổng Quỹ thù lao: 480.000.000 đ

Trong đó:

- + Quỹ thù lao thành viên HĐQT: 408.000.000 đ
- + Quỹ thù lao thành viên BKS: 72.000.000 đ

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT, BKS;
- Lưu PC./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Bảo Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN
NOSCO SHIPYARD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

**VĂN BẢN ĐỀ CỬ
BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025-2030
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

[Tôi/chúng tôi], [Tên cổ đông] (Mã số cổ đông:) là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông, chiếm% trên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.

Sau khi nghiên cứu các quy định có liên quan của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty, tôi đề cử cá nhân có tên dưới đây để Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030:

- Họ và tên ứng viên:
- Giới tính: Quốc tịch:
- Ngày tháng năm sinh:
- CCCD số: Ngày cấp:
- Địa chỉ thường trú:

Đính kèm Hồ sơ của người đề cử gồm:

- Lý lịch ứng viên: 01 bản gốc;
- Bản sao CCCD, các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của ứng viên: 01 bản sao có chứng thực;
- Bản cam kết của ứng viên: 01 bản gốc.

[Tôi/chúng tôi] đề nghị ĐHĐCĐ xem xét thực hiện thủ tục bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

[Cổ đông cá nhân ghi tên/ Cổ đông tổ chức ký tên đại diện pháp luật và đóng dấu]



CÔNG TY CỔ PHẦN
NOSCO SHIPYARD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

**VĂN BẢN ĐỀ CỬ
BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025-2030
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

[Tôi/chúng tôi], [Tên cổ đông] (Mã số cổ đông:) là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông, chiếm% trên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.

Sau khi nghiên cứu các quy định có liên quan của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty, tôi đề cử cá nhân có tên dưới đây để Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030:

- Họ và tên ứng viên:
- Giới tính: Quốc tịch:
- Ngày tháng năm sinh:
- CCCD số: Ngày cấp:
- Địa chỉ thường trú:

Đính kèm Hồ sơ của người đề cử gồm:

- Lý lịch ứng viên: 01 bản gốc;
- Bản sao CCCD, các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của ứng viên: 01 bản sao có chứng thực;
- Bản cam kết của ứng viên: 01 bản gốc.

[Tôi/chúng tôi] đề nghị ĐHĐCĐ xem xét thực hiện thủ tục bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

[Cổ đông cá nhân ghi tên/ Cổ đông tổ chức ký tên đại diện pháp luật và đóng dấu]



SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA ỦNG CỬ VIÊN BẦU THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025-2030
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Bổ sung ảnh chân dung

1. Họ tên:
2. Quốc tịch:
3. Nghề nghiệp:
4. Ngày, tháng, năm sinh: ...
5. Trình độ học vấn:

STT	Bằng cấp	Tổ chức cấp bằng/chứng chỉ	Thời gian cấp bằng/chứng chỉ
1			

6. Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Vị trí công việc đảm nhận

7. Kinh nghiệm công việc:

8. Năng lực:

9. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại:

- Email:

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm 2025
Người khai



SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA ỨNG CỬ VIÊN BẦU THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025-2030
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

Bổ sung ảnh chân dung

1. Họ tên:
2. Quốc tịch:
3. Nghề nghiệp:
4. Ngày, tháng, năm sinh: ...
5. Trình độ học vấn:

STT	Bằng cấp	Tổ chức cấp bằng/chứng chỉ	Thời gian cấp bằng/chứng chỉ
1			

6. Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Vị trí công việc đảm nhận

7. Kinh nghiệm công việc:

8. Năng lực:

9. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại:

- Email:

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm 2025

Người khai



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

....., ngày tháng năm 2025

**BẢN CAM KẾT CỦA ỨNG VIÊN
BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nhiệm kỳ: 2025-2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nosco Shipyard

Tôi là (Số CCCD: do cấp
ngày; Nơi đăng ký HKTT:), được đề
 cử để Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025-
2030.

Bằng văn bản này, tôi cam kết:

1. Các thông tin cá nhân của tôi kê khai trong Bản lý lịch kèm theo là trung thực, chính xác và hợp lý;
2. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông của Công ty bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030;
3. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty.

Bản cam kết này được lập thành 01(một) bản gốc gửi kèm theo Bản lý lịch của ứng viên và văn bản đề cử ứng viên bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nosco Shipyard nhiệm kỳ 2025-2030.

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

....., ngày tháng năm 2025

**BẢN CAM KẾT CỦA ỦNG VIÊN
BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Nhiệm kỳ: 2025-2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nosco Shipyard

Tôi là (Số CCCD: do cấp
ngày; Nơi đăng ký HKTT:), được đề
cử để Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

Bằng văn bản này, tôi cam kết:

1. Các thông tin cá nhân của tôi kê khai trong Bản lý lịch kèm theo là trung thực, chính xác và hợp lý;
2. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát một cách trung thực theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông của Công ty bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030;
3. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty.

Bản cam kết này được lập thành 01(một) bản gốc gửi kèm theo Bản lý lịch của ứng viên và văn bản đề cử ứng viên bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nosco Shipyard nhiệm kỳ 2025-2030.

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

....., ngày.... tháng..... năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CP NOSCO SHIPYARD**

Tên cổ đông:.....
Số CCCD/GCN ĐKKD :....., ngày cấp.....,
nơi cấp :
Địa chỉ :
Tổng số cổ phần sở hữu :
(Bằng chữ :)
(Sau đây gọi là "**Bên ủy quyền**")

ĐỒNG Ý ỦY QUYỀN CHO

Ông (bà).....
Số CCCD....., ngày cấp, nơi cấp
Địa chỉ
Số cổ phần ủy quyền:
(Bằng chữ)
(Sau đây gọi tắt là "**Bên được ủy quyền**")

Thay mặt **Bên ủy quyền** thực hiện các công việc sau với tư cách là đại diện cho số cổ phần ủy quyền nêu trên:

- Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Phát biểu ý kiến về các vấn đề thảo luận tại cuộc họp;
- Biểu quyết toàn bộ các vấn đề được đưa ra trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
(*Trường hợp chỉ ủy quyền thông qua một số vấn đề, vui lòng ghi rõ nội dung*)
- Ký kết các giấy tờ cần thiết.

Bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông, không được ủy quyền lại cho Bên thứ ba và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội đồng cổ đông cho Bên ủy quyền.

Thời hạn ủy quyền từ ngày ký đến khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc hoặc thay thế bằng văn bản hủy bỏ việc ủy quyền gửi đến Ban tổ chức trước giờ khai mạc.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Nosco Shipyard, được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Bên ủy quyền cam kết chịu trách nhiệm về mọi hành vi của Bên được ủy quyền trong phạm vi công việc nêu trên.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Các giấy ủy quyền được lập không theo mẫu này cũng sẽ được chấp nhận nếu có đủ nội dung ủy quyền của cổ đông theo quy định tại khoản 2, điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.



CÔNG TY CỔ PHẦN
NOSCO SHIPYARD

Số:/2025/NQ-ĐHĐCĐ

ĐỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NOSCO SHIPYARD

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số:/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày/...../2025;
- Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua/Không thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024; thông qua phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2025 và các giải pháp thực hiện.
- Điều 2.** Thông qua/Không thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch năm 2025.
- Điều 3.** Thông qua/Không thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.
- Điều 4.** Thông qua/Không thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán).
- Điều 5.** Thông qua/Không thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
- Điều 6.** Thông qua/Không thông qua Tờ trình giới thiệu ứng viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030.
- Điều 7.** Thông qua/Không thông qua Tờ trình phê duyệt quỹ thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2025.
- Điều 8.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Nosco Shipyards;
- Các cổ đông.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA